

Đề bài:

“Nếu tác giả không có lối nói riêng của mình thì người đó không bao giờ là nhà văn cả... Nếu anh ta không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ”. (A. Tsekhov)
Anh chị hãy bình luận câu nói trên.

Bài làm

Có những người cả đời cầm bút viết không biết bao nhiêu trang giấy nhưng vẫn chẳng ai biết tên, nhớ mặt. Có những người chỉ viết ít bài thơ, một vài truyện mà khắc được bóng dáng mình vào vĩnh cửu. Để trở thành nhà văn, tôi nghĩ, cái đầu tiên chúng ta cần phải học là câu nói của nhà văn Nga A.Tsekhov: “Nếu tác giả không có lối nói riêng của mình thì người đó không bao giờ là nhà văn cả. Nếu anh ta không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ...”.

Ở đây, ta có hai khái niệm cần phân biệt: “lối nói riêng” và “giọng riêng”, “nhà văn” và “nhà văn thực thụ”. Đọc qua tưởng chừng các khái niệm này giống nhau nhưng nghĩ kỹ lại thì thấy có sự khác biệt. “Lối nói riêng” là cách viết của người cầm bút phải có cái mới mẻ, không giống với bất kỳ ai. Còn “giọng riêng” thì ở cấp độ cao hơn, đã trở thành phong cách nhà văn xét trên phương diện lời văn nghệ thuật. Nếu anh có lối nói riêng, anh có thể được xem như một “nhà văn”, là một người sáng tác ra tác phẩm văn học. Nhưng cao hơn, nếu anh có “giọng riêng” thì anh đã là một “nhà văn thực thụ”, có thể là một nhà văn lớn, in dấu ấn đậm trên văn đàn. Một giọng văn có phong cách phải có lối nói, cách miêu tả, tạo dựng lại sự vật hiện tượng theo cách thức riêng biệt. Phong cách ấy được thống nhất, ổn định trong toàn bộ sáng tác của nhà văn nhưng đồng thời trong mỗi tác phẩm lại có sự sáng tạo, khám phá độc đáo.

Tại sao lại có vấn đề “lối nói riêng”, “giọng riêng” trong văn học? Bởi lẽ “yếu tố đầu tiên của văn học là ngôn ngữ” (Maxim Gorki), tất cả mọi tình cảm, tư tưởng của nhà văn muốn được thể hiện trong tác phẩm phải chuyển thành lời văn. Đồng thời, văn học còn là “sự sáng tạo của sáng tạo”. Do đó, muốn tác phẩm của mình đến được với người đọc, muốn tác phẩm có sức sống mạnh mẽ thì nhà văn phải tạo cho mình lời văn nghệ thuật riêng chứ không phải là “những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho” mà phải “khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những gì chưa có...” (*Đời thừa* – Nam Cao). Trong sự lao động của nhà văn có sự lao động ngôn ngữ, trong sự giày vò của sáng tạo nghệ thuật có sự giày vò về ngôn từ.

“Lối nói riêng” của nhà văn được thể hiện trên nhiều cấp độ khác nhau, nhiều khi chỉ là ở một từ, một câu, một hình ảnh, một lối so sánh, ẩn dụ, có khi là ở một đoạn, một tác phẩm và cao nhất là nhà văn tạo được “giọng riêng” trong toàn bộ tác phẩm của mình.

Trước hết, có thể thấy sự sáng tạo trong ngôn từ nhiều khi lại ở một từ rất bình thường, rất quen thuộc, thậm chí đến nỗi tưởng chừng ta đã nhàm chán, không còn gì để nói nữa nhưng lại tạo ấn tượng độc đáo, bất ngờ. Nói đến sự hy sinh cao cả, vĩ đại, tấm lòng mênh mông của người cha dân tộc Hồ Chí Minh thì không biết bao nhiêu bài thơ của Tố Hữu, Chế Lan Viên, Minh Huệ... đã cất lời ngợi ca. Chữ “Người” chúng ta dùng để gọi Bác thì có gì là xa lạ, nhưng bắt chợt đọc đến hai câu thơ:

Ta muốn nói một lời tha thiết

Vì người đi chiếu sáng con người.

trong tôi bỗng nảy nở một điều kỳ lạ, mới mẻ. Chỉ một chữ “Người” viết hoa đặt bên một chữ “người” bình thường trong câu thơ không có chữ nào là “cao cả”, “mênh mông”, là “vĩ đại”, thế nhưng bóng Bác vẫn cao cả, mênh mông, vĩ đại, vẫn lồng lộng khắp cả đất trời.

Thơ viết về nỗi nhớ người yêu thì đâu thiếu gì. Có nhà thơ nào suốt đời cầm bút mà không có ít nhất một bài thơ viết về tình yêu. Nỗi nhớ ấy cứ rạo rục, bồn chồn ngay từ câu ca dao của một thuở ngày xưa và có lẽ cho đến muôn đời sau. Nhưng đến Chế Lan Viên, nỗi nhớ ấy vẫn làm không biết bao nhiêu người rung động, xôn xao trong lòng: “Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét”. Mùa đông nào chẳng có rét và mỗi người ai lại không biết cái lạnh lạnh của cơn rét mùa đông. Nhưng đem nỗi nhớ rét của mùa đông so với nỗi nhớ em thì chỉ có Chế Lan Viên mới nghĩ, mới cảm thấy mà thôi. Nỗi nhớ ấy vừa có cái gì da diết, sâu thẳm, lại vừa thường trực, tất yếu, một nỗi nhớ không thể nào không có được trong mỗi con người.

Lời nói riêng ấy còn tạo cho chúng ta không thôi ngạc nhiên, nhiều khi đến bàng hoàng rồi khâm phục cái tài của người nghệ sĩ. Họ thực sự là bậc thầy của ngôn ngữ. Đến cả mấy câu Kiều rất hay, rất độc đáo mà bất cứ ai đọc *Truyện Kiều* lại không thuộc để mà ngâm nga. Nhưng đến Tố Hữu lại mang một sắc thái khác:

Nỗi niềm xưa nghĩ mà thương

Dẫu lia ngó ý còn vương tơ lòng...

Nhân tình nhắm mắt chưa xong

Biết ai hậu thế khóc cùng Tố Như...

Ngó sen bẻ đi rồi tơ nghìn đời còn vương vấn. Câu thơ xưa Nguyễn Du nói hộ lòng Thúy Kiều dù đã biến biệt cách xa Kim Trọng nhưng khối tình xưa mang xuống tuyền đài chưa tan. Trong thơ Tố Hữu, câu ấy lại còn nói đến nỗi đau đời, thương đời, “nỗi đau đốn lòng” của Nguyễn Du. Dù người đã nhắm mắt, xuôi tay, thân đã về nơi chín suối, nhưng lòng nặng nỗi đau vẫn còn chưa dứt nợ trần. Cái độc đáo còn chứa đựng trong một chữ “cùng”. Tố Như hai trăm năm trước từng băn khoăn, trăn trở:

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

thì ngày nay, Tố Hữu không chỉ khóc Tố Như mà còn cùng Tố Như khóc nỗi đau đời. Chỉ với bốn câu thơ ấy thôi, tài và tình của Tố Hữu đã “rày chén nước” cho Thúy Kiều, cho Nguyễn Du, cho “người thác oan” thuở trước.

Không chỉ tinh luyện trong hệ thống từ vựng vốn có của dân tộc, các nhà văn, nhà thơ còn tạo ra những từ mới độc đáo mà diễn tả đúng được ý muốn nói một cách sâu sắc, đầy đủ, gây hiệu quả thẩm mỹ cao. Nguyễn Tuân là

một người sáng tạo từ ngữ một cách tài hoa. Hạt cát vào lòng con trai để trở thành viên ngọc qua ngòi bút của ông đã trở thành “hạt đậu, hạt xốt”, “khối tình con”, “hạt buốt sắc”... Thật độc đáo đến kỳ diệu. Những từ như thế đã tạc được hình hài của bao hy sinh, cực nhọc, bao máu và nước mắt của quá trình mang nặng đẻ đau, đẻ sinh ra cái đẹp cho cuộc đời. Rồi một bờ sông đã không biết bao nhiêu người tả, bờ sông cứ chảy dọc không biết bao nhiêu bài thơ, bài văn, chảy vào trang giấy Nguyễn Tuân lại thành “Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông như một nỗi niềm cổ tích ngày xưa”. Câu văn trôi đi trữ tình tựa một câu thơ ngân nga, êm dịu. Đôi bờ sông hiện lên cứ hoang sơ, thanh vắng, lại cứ êm đềm, thơ mộng, vừa “tiền sử”, lại vừa “cổ tích” đến thế nào ấy. “Tiền sử, cổ tích” không còn là những danh từ nữa mà đã trở thành những tính từ mang đầy tính nghệ thuật dưới bàn tay điêu luyện của Nguyễn Tuân.

Những nhà văn, nhà thơ có giọng riêng thì dù đặt lẫn vào đâu, trộn vào nơi nào cũng lộ ra các hình hài sắc nét, độc đáo riêng của mình. Dù bài thơ, truyện ngắn ấy có xóa tên tác giả đi thì người đọc vẫn nhận ra.

Từ thời Trung đại, văn học đã in dấu ấn của hai nữ sĩ với những nét riêng độc đáo, cùng sống trong một thời đại, cùng viết bằng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, nhưng mỗi người lại có giọng điệu riêng. Hồ Xuân Hương bao giờ cũng đầy tinh nghịch, ngông nghênh, bao giờ cũng dựng câu, dựng chữ lên trong thơ mình.

*Xiên ngang mặt đất rêu từng đám
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn.*

Trong khi đó, Bà Huyện Thanh Quan lại đắm thắm, trữ tình trong không gian, thời gian buổi chiều hôm lắng đọng u sầu:

*Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn
Tiếng ốc xa đưa vắng trống đồn.*

Hai gương mặt thơ ấy một người một vẻ nhưng nghìn năm không bụi thời gian nào xóa nhòa được, không dòng nước nào có thể cuốn trôi. Mỗi mỗi người ta vẫn thấy một Hồ Xuân Hương tinh nghịch nơi đèo Ba Dội và một Bà Huyện Thanh Quan trầm ngâm trong chiều ở đèo Ngang.

Có lẽ, những ai yêu thơ khó mà quên được gương mặt Chế Lan Viên. Từ năm mười bảy tuổi khi hồn thơ ấy ra đời cùng với *Điêu tàn* và đến sau này, cách đây mười năm, khi nhà thơ đã vĩnh viễn ra đi để lại cho chúng ta tập *Di cảo thơ* thì bao giờ vẫn thơ của người cũng day dứt, trăn trở, cũng băn khoăn những nỗi niềm. Nỗi niềm ấy cứ lật mình ở trong lòng mà thành vần thơ hoài trở mình trên trang giấy:

*Chớ bao giờ quên nỗi chua cay của một thời thơ ấu
Tổ quốc ở trong lòng ta mà có cũng như không
Nhân dân ở quanh ta mà ta chẳng thấy
Thơ xuôi tay như nước chảy xuôi dòng.*

Trong văn xuôi, giọng điệu của nhà văn in hằn lên câu chữ. Cùng tả con người dị dạng ở nông thôn cũ, nhưng trong Kim Lân khi Tràng hiện ra với “hai con mắt nhỏ tí, gà gà đăm vào bóng chiều”, “ngửa mặt lên trời cười hềnh hếch” thì dường như câu văn vẫn có cái gì nhẹ nhàng, xót thương. Nhưng thằng Chí Phèo “trông đặc như một chàng sáng đá. Cái đầu thì trọc lóc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cong cong...” đã hiện lên từ giọng chì chiết, khinh bạc, lạnh lùng của Nam Cao ở ngay những dòng đầu truyện.

Nhà văn, nhà thơ phải có sự sáng tạo của riêng mình. Nhưng đừng vì thế mà làm xiếc ngôn từ. Những câu chữ bóng bẩy, những lời văn “múa” thực ra chỉ là sự xơ cứng, cái gượng ép trong câu văn, cái giọng điệu riêng phải đi ra từ chính cái thực tâm, thực tài của người viết. Đồng thời sáng tạo cho mới mẻ nhưng phải hay, phải đẹp. Nói như Chế Lan Viên, một cô gái biến thành quạ thì mới lạ nhưng không thể nào đẹp, là làm rung động lòng người được. Nhà văn có lối nói riêng, giọng riêng thì đó phải là sự sáng tạo lời văn nghệ thuật mang tính thẩm mỹ.

Nhà văn viết bằng cả tâm tư, trí tuệ và tài năng của mình thì phải sáng tạo cho mình một giọng điệu riêng. Đó là vết khắc đầu tiên trong bức chân dung tự tạc mình vào văn chương, vào tâm hồn nhân loại của người nghệ sĩ. Người xưa từng nói: “Thác là thể phách, hồn là tinh anh”. Giọng điệu riêng của nhà văn là một phần của sự tinh anh ấy. Bài học của A. Tsekhov là bài học vỡ lòng cho mọi thể hệ những người cầm bút.

Hồ Khánh Vân – Lớp 12 Văn trường Phổ thông Năng khiếu
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh